TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ LONG XUYÊN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 143/2021/DS-ST
Ngày: 30-9-2021
V/v tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYÊN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Diệu Tiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Võ Thanh Tân.

- Bà Nguyễn Thị Tuyết Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Ngọc Ký – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 267/2020/TLST-DS ngày 14 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 283/2021/QĐST-DS ngày 08 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Phan Văn P, sinh năm 1956. (Có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: số 18/6D, khóm Tân Quới, phường Mỹ Quý, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho ông Phan Văn P: ông Trần Tiến V, sinh năm 1972 – là Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư Trần Tiến V được cử thực hiện trợ giúp pháp lý cho ông Phan Văn P (theo Quyết định số 117/QĐ-TGPL ngày 10/6/2020 của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh An Giang). (Có yêu cầu vắng mặt)

- *Bị đơn:* Ông Lê Ngọc L, sinh năm 1984. (Có yêu cầu xin vắng mặt).

Địa chỉ: số 32/5, Thủ Khoa Nghĩa, khóm L, phường B, thành phố X, tỉnh An Giang.

Hiện đang chấp hành hình phạt tù tại Trại giam Bến Giá (xã Long Hữu, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Phan Văn P có yêu cầu xin xét xử vắng mặt và có ý kiến trình bày trong quá trình giải quyết vụ án như sau:

Ông và ông L là chỗ quen biết, không có bà con họ hàng. Ông L là cán bộ tín dụng và có làm dịch vụ đáo hạn ngân hàng. Do đó, hai bên thỏa thuận ông L vay tiền của ông cho khách hàng thực hiện đáo hạn ngân hàng xong sẽ trả lại tiền cho ông đồng thời trả lãi đối với số tiền đã vay, tại các Giấy vay tiền ngày 12/6/2014, ngày 17/6/2014, ngày 18/6/2014, ngày 20/6/2014 hai bên không ghi lãi suất nhưng thỏa thuận bằng lời nói là 1.000.000.000 đồng sẽ tính lãi 3.000.000 đồng/tháng, ông L cam kết sau 01 tuần sẽ thanh toán số tiền vay cho ông nhưng không thực hiện. Do tin tưởng ông L là cán bộ tín dụng nên toàn bộ các Giấy vay tiền trên là do ông L đánh máy sẵn và ký tên bên vay tiền, do đánh máy nhầm năm sinh của ông L là 1982 thực tế ông L sinh năm 1984, ông xác định ông khởi kiện ông Lê Ngọc L, sinh năm 1984.

- Ngày 12/6/2014, ông L vay số tiền 150.000.000 đồng theo Giấy vay tiền ngày 12/6/2014.

- Ngày 17/6/2014, ông L vay số tiền 100.000.000 đồng và 3.100.000.000 đồng theo Giấy vay tiền ngày 17/6/2014.

- Ngày 18/6/2014, ông L vay số tiền 1.300.000.000 đồng theo Giấy vay tiền ngày 18/6/2014.

- Ngày 20/6/2014, ông L vay số tiền 1.020.000.000 đồng, 800.000.000 đồng, 1.300.000.000 đồng và 320.000.000 đồng theo Giấy vay tiền ngày 20/6/2014.

Tổng số tiền mà ông cho ông L vay là 8.090.000.000 đồng, việc ông L trình bày số tiền ông L còn nợ ông 8.090.000.000 đồng bao gồm tiền gốc cộng tiền lãi là không đúng vì thực tế ông L chưa thanh toán bất kỳ khoản tiền nào cho ông. Nay ông yêu cầu ông L trả số tiền 8.090.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

- Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho ông Phan Văn P, Luật sư Trần Tiến V có yêu cầu xin vắng mặt và trong quá trình giải quyết vụ án có ý kiến trình bày: Ông thống nhất theo nội dung trình bày và yêu cầu khởi kiện của ông Phan Văn P.

- Bị đơn ông Lê Ngọc L có yêu cầu xin vắng mặt và có ý kiến trình bày tại biên bản ghi lời khai ngày 14/4/2021: ông L sinh năm 1984 và có mối quan hệ quen biết với ông P, nhiều lần vay tiền của ông P để cho vay lại, ông L có ký tên vào các biên nhận do ông P ghi, ông không nhận tiền mặt mà chuyển cho người thứ ba. Việc ký biên nhận để hợp thức hóa việc vay tiền giữa ông và ông P, ông không có yêu cầu phản tố. Đối với khoản nợ 8.090.000.000 đồng thực chất là tiền gốc và lãi gộp lại, ông không nhận tiền mặt mà ký biên nhận để hợp thức hóa. Do ông đang chấp hành án nên xin được xét xử vắng mặt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên phát biểu quan điểm:

Hội đồng xét xử; Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm. Về thời hạn chuẩn bị xét xử chưa thực hiện đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng: nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự, người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền,

nghĩa vụ theo quy định tại Điều 76 Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phan Văn P. Buộc ông L có nghĩa vụ trả cho ông P số tiền 8.090.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Ông Phan Văn P khởi kiện ông Lê Ngọc L. Ông Lê Ngọc L có nơi cư trú tại phường B, thành phố X, tỉnh An Giang. Nên Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại các Điều 26, 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp: ông Phan Văn P khởi kiện ông Lê Ngọc L yêu cầu trả tiền vay. Do đó, xác định quan hệ tranh chấp là hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

[3] Căn cứ nội dung các Giấy vay tiền ngày 12/6/2014, ngày 17/6/2014, ngày 18/6/2014, ngày 20/6/2014 có chữ ký của bên cho vay là ông Phan Văn P và chữ ký bên vay là ông Lê Ngọc L. Ông L có ý kiến trình bày thừa nhận chữ ký trong Giấy vay tiền là của ông L, đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, có cơ sở xác định giữa ông P và ông L đã xác lập hợp đồng vay tài sản với tổng số tiền 8.090.000.000 đồng, thời hạn vay 07 ngày kể từ ngày ký Giấy vay tiền, ông P trình bày hai bên không ghi lãi suất trong Giấy vay tiền nhưng thỏa thuận bằng lời nói là 1.000.000.000 đồng sẽ tính lãi 3.000.000 đồng/tháng. Ông L cho rằng số tiền 8.090.000.000 đồng là tiền nợ gốc cộng chung với tiền lãi nhưng ngoài nội dung trình bày thì ông L không đưa ra được tài liệu, chứng cứ chứng minh nên không có cơ sở xem xét ý kiến trình bày của ông L.

[4] Xét thấy, hợp đồng trên được xác lập trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, không bị lừa dối hay ép buộc nên đây là hợp đồng hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo hợp đồng. Hội đồng xét xử xét thấy lãi suất 1.000.000.000 đồng sẽ tính lãi 3.000.000 đồng/tháng đối với số tiền cho vay mà các bên thỏa thuận là vượt quá quy định pháp luật nhưng ông P không có yêu cầu tính lãi, chỉ yêu cầu trả vốn gốc. Vì vậy, việc ông L không thanh toán số tiền 8.090.000.000 đồng là vi phạm nghĩa vụ của bên vay theo hợp đồng, do đó cần buộc ông L trả số tiền còn nợ cho ông P là phù hợp theo quy định tại Điều 471, 474 Bộ luật dân sự năm 2005.

[5] Từ những phân tích trên, có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông P, buộc ông L có nghĩa vụ trả cho ông P số tiền 8.090.000.000 đồng.

[6] Về án phí: do yêu cầu khởi kiện của ông P được chấp nhận nên ông L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Điều 26, 35, 39, 144, 147, 227, 228, 235, 238, 271, 273, 278 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Điều 471, 474 Bộ luật dân sự năm 2005.

- Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 31/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan Văn P.

- Buộc ông Lê Ngọc L có nghĩa vụ trả cho ông Phan Văn P số tiền 8.090.000.000 đồng *(Tám tỷ, không trăm chín mươi triệu đồng)*.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: ông Lê Ngọc L phải chịu 116.090.000 đồng *(Một trăm mười sáu triệu, không trăm chín mươi nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND thành phố Long Xuyên;
- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS thành phố Long Xuyên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- VP (5)./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Thị Diệu Tiên